



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyễn đức W
Last Middle First

Current Address: 224/4 Dã' Mỏ 3 Đống Nai'

Date of Birth: 1933 Place of Birth: Thái' Bình Viet Nam

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 27-6-75 To 1982
Years: 7 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyen Duc Tu
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Le thi Bich Thuy	1935	Wife
Nguyen Duc Minh Quan	1961	Son
Nguyen Trung Phuong	1963	Son
Nguyen thu Bach loan	1966	Daughter
Nguyen thu Bach Phuong	1966	Daughter
Nguyen Xuan Hoa	1970	Son
Nguyen thu Thu Danh	1971	Daughter
Nguyen thu Xuan Ly	1976	Daughter
Nguyen Xuan Hiep	1982	Son
Nguyen My Duyen	1968	daughter-in-law

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

Ký tên đồng chủ

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

Ký tên đồng chủ

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

NIỀM CHAY ĐÓI KHÁC

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số GT 169

Họ và tên chủ hộ: LÊ THỊ BÌNH THỦY

Số nhà: 224/4 Ngõ (hẻm) Dặc Mỏ 3

Đường phố: Đền CẨM

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: Xã Gia Tân 1

Huyện Thống Nhất

Tỉnh, thành phố: Đồng Nai

Ngày 01 tháng 01 năm 84

Trưởng công an
(Ký tên đồng chủ, ghi rõ họ tên)

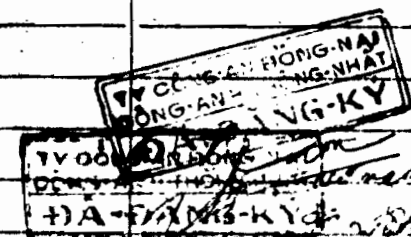
CHỦ TỊCH

(Signature)

(Signature)

NHÂN KHẨU THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

SỐ thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
01	Lê thị Bắc THỦY	1935	nữ	chủ hộ	lâm rẫy		9/12/76		
02	Nguyễn đức Minh Quân	1961	nam	con	lâm rẫy		3/12/76		
03	Nguyễn Trung PHƯƠNG	1963	nam	con	lâm rẫy		3/12/76		
04	Nguyễn thị Bạch Loan	1966	nữ	con	lâm rẫy		2/12/76	Hồ Chí Minh 02.0.88	không
05	Nguyễn thị Bạch Phương	1966	nữ	con	lâm rẫy		3/12/76		
06	Nguyễn Xuân HOA	1970	nam	con			3/12/76		
07	Nguyễn thị Thu OANH	1971	nữ	con			3/12/76		
08	Nguyễn thị Xuân LY	1976	nữ	con			3/12/76		
09	Nguyễn Xuân THIẾT	1982	nam	con			82		
10	Nguyễn đức TỬ	1933	nam	chồng	lâm rẫy		14/10/88		
	Nguyễn Thị Dung	1978	nữ	con	lâm rẫy				



BỘ NỘI VỤ
TRẠI TÂN HIỆP
SỐ: 826/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự Do Hạnh Phúc

HẸM SỐ 001-Q.L.T
ĐƠN HẠNH THEO CÔNG
VĂN SỐ 2565 ngày 21
năm 1972.

SHSLĐ

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công An
Tân hành an văn, quyết định tha số 21 ngày 1 tháng 4
năm 1981 của Bộ Nội Vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, em có tên sau đây:

Họ và tên khai sinh: Nguyễn Đức Tũ

Họ và tên thường gọi

Họ và tên bị danh

Sinh ngày 11 tháng 10 năm 1933

Nơi sinh: Hai Bính

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

224/4 Xóm 5 Gia Lâm, Thông Nhất - Đồng Nai.

Cơ sở: Đại lý trưởng phòng tiếp liệu.

Đi bắt ngày 27-6-75 An phát.

Theo quyết định an văn số ngày tháng năm
của:

Đã bị tống an lần, công thành năm tháng

Đã được giảm an lần, công thành năm tháng

Nay về cư trú tại: 224/4 Xóm 5 Gia Lâm - Thông Nhất - Đồng Nai

NHÂN XÉT QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Quản chế 12 tháng

Ngày 20 tháng 4 năm

Họ và tên, chữ ký

Giám thị

ngược được cấp giấy

Đầu tay đóng trở phải

Của: Nguyễn Đức Tũ

Đanh ban số: 5338

Lập tại: Tân Hiệp

Phạm Ngọc Dũng

Nhân Thư

Công an & Dục Hồ Nhân Thư
Đường & Sơn khi ra trại tập trung là
là đến một diện khai báo tại Đục fong và ở
Số 224/a

Liên chuyển lên qui cơ quan gởi đi

Đục Mò Ngày 06-10-82

Liên chuyển &

Nguyễn

Nguyễn Tiến Mai

Công an xã Cao Tân xã nhân
theo đơn báo chuyển Công an
thẩm quyền.

Ngày 09 / 10 / 1982



Nguyễn Văn Hùng

Cấp Huyện TN
Chứng nhận & S là đến trình
điều tra làm việc tại cấp huyện

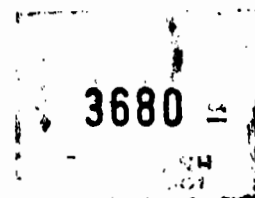
TN ngày 12.10.82

Fo ca



Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Thị Bạch Tuyết
292/7 Xã Việt Nghệ Phố Phường 25
Quận Kinh Thành. T.P. H.C.M



SEP 11 1988



PAR AVION VIA AIR MAIL

Bà KHUỖC MINH THƯ

PO BOX 5435 ARLINGTON

VA 22205 0635

U.S.A

Saigon ngày 24-8-1988

Thính thưa bà

Kính Bà chúng tôi ngoại quốc về ở
Nơi xa xôi chúng tôi đã được nghe
danh tiếng Bà, chúng tôi đặt hết tin
tưởng nơi Bà giúp đỡ vì lòng nhân đạo
của Bà mà gọi họ về kèm theo đây đi
dịch định cư tại Mỹ, nhờ Bà cầu thiệp
giúp các cơ quan cần thiết ở Mỹ hoặc
ở Đài Loan mà Bà đã biết, cho gia
đình chúng tôi được vượt ngoại theo chúng
trên Nhân Đạo, chúng tôi đã có gọi đến
đến các cơ quan vẫn phòng ở Mỹ và Đài
Loan nhưng vẫn chưa thấy hiệu quả

Thính kính Bà bất chấp thời giờ cũng bày
mà giúp đỡ chúng tôi trong lúc khó khăn
cái như một từ cứu vớt.

Chúng tôi đặt hết tin tưởng và hy vọng
vào lòng quảng đại của Bà như đã nghe
danh tại VN này và cầu mong một ngày
nào đó chúng tôi được to' lòng biết ơn
trước nhân dân Bà.

Thính

Ho Nguyễn Đức Tư.

307 HỒ TÀI HOI CHH HONLA VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Mẫu số 8001-LL
Ban hành theo
Công văn số
2965 ngày 21/
năm 1972.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

SHSLD:

CLAY - N. A. - T. R. A. F.

Theo thông tư số 966-3CA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.
Thi hành án văn, quyết định, tha số ngày tháng
năm của

Nay cấp giấy tha cho anh, chỉ có tên sau đây:

Họ và tên khai sinh: Trần Văn Tuấn

Họ và tên, thường gọi: _____

Họ và tên bí danh: _____

Sinh ngày _____ tháng _____ năm 1999.

Ngày sinh: _____

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

[illegible]

Con tôi: Đài Anh Tuấn ở nhà số 11

RI 100-100000-100000 In Photo: 100000-100000

Theo quyết định... số: _____ ngày _____ tháng _____ năm _____
của: _____

FILED IN THE OFFICE OF THE CLERK OF THE DISTRICT COURT OF THE DISTRICT OF COLUMBIA, IN AND FOR THE DISTRICT OF COLUMBIA, THIS 12th DAY OF JANUARY, 1919.

Ngày và giờ: 12/10/2018 5-Ghi Jan-Thôn Uat-005

FROM THE UNIVERSITY OF CALIFORNIA

1964-03-12-0000

Lăn tay ngón trỏ phải Họ, tên, chữ ký: / / ngày 20 tháng 4 năm 1993
của Ủy viên Ban Chấp hành người được cấp giấy Giám thị: /

Danh bản số: 1269

lập tại: _____

Nguyễn Đức Từ



Giám thị:

Ham Soc Dining

Xác nhận
đã trình diện công an địa
phương để chính quyền giúp đỡ
để vào ngày 21-4-82
công an địa
phương
Đã vào 13h.

Trang bị đã trình diện công an
địa phương để chính quyền giúp đỡ của cơ quan.
Trang bị. Ngày 20-4-82

Đã
Trang bị

Đã trình diện công an địa
phương để chính quyền giúp đỡ
để vào ngày 21-4-82
công an địa
phương

Chị Nguyễn Thị
Chị Nguyễn Thị đã đến trình
diện và làm việc tại Công an
Thị trấn 12.10.82
Fó Công an.



Đã trình diện công an địa
phương

CONTROL

March 5/89

 Card

✓ Doc. Request; Form

 Release Order

✓ Computer 4-8-87

 Form "D"

 ODP/Date _____

 Membership; Letter

QUESTIONNAIRE FOR EXPOLITICAL PRISONER IN VIETNAM

I/ Basic information on applicant in VN.

- Full name . . . NGUYỄN ĐỨC TÀI
- Date and place of birth . 5-6-1933 . Châu Bình
- Position . Trưởng Phòng Tiếp Vận
- Rank . . . Đại úy
- Serial No . . 531300429
- Military Unit . Sở Logistics Nha Kỹ Thuật (SMS)
- + Months/Years of arrest . . 27-6-1975
- + Months/Years out Camp . . 20-4-1981
- Addressee living now . 224/4 Ấp Dời Mò. Gia Tân I. Huyện Thống Nhất - Vĩnh Long Đồng Nai
- Present mailing address of EX PP 292/7 Phường 25 Sơn Việt Nghệ Tĩnh - Phường 25 Quận Bình Thạnh TP HCM.
- List of DOB DOB of EX FBIC Relations DOB of Ex FBIC

II/ List of DOB - POB of EX, PP'S Relatives to accompany with EX, PP to be consicted.

<u>Name</u>	<u>DOB</u>	<u>POB</u>	<u>Sex</u>	<u>Married</u>	<u>Single</u>	<u>Relationships</u>
Le Thi Bich Thuy	1965	Thanh Binh	Girl	✓	• • • •	• • • • •
Nguyen Hoa Minh Quan	1961	Da Nang	Boy	• • • •	• ✓ •	• • • • •
Nguyen Thi Bao Thuy	1966	Gia Binh	Girl	• • • •	• ✓ •	• • • • •
Nguyen Quan Hoa	1970	Da Nang	Boy	• • • •	• ✓ •	• • • • •
Nguyen Thi Thon Dauh	1971	Da Nang	Girl	• • • •	• ✓ •	• • • • •
Nguyen Thi Duan Ly	1975	Chuoi Gioi	• •	• • • •	• ✓ •	• • • • •
Nguyen Quan Hiep	1982	Hoang Mai	Boy	—	—	—

Complet family listing (living/dead) of EX, PP.

- | | |
|------------|--|
| - Father | Nguyễn Đức Trimb (chết) |
| - Mother | Phạm Thị Thié (chết) |
| - Wife | Lê Thị Biết Thủy (sống) |
| - Children | <ul style="list-style-type: none"> • Nguyễn Đức Trimb Quân . 1961 • Nguyễn Thị Bảo Phương . 1966 • Nguyễn Văn Hòa 1970 • Nguyễn Thị Thu Dung 1971 • Nguyễn Thị Xuân Ly 1976 • Nguyễn Văn Hiệp 1982 |

Siblings :

III/- Relatives outside of VN.

- A) Closet Relatives in US. *Ky Nguyen 1074 REED AVE #67 SUNNYVALE CA 94086*
- B) Closet relatives in other Countries *Nguyen Quí Dao Lassenstrasse 39-36 1000 Berlin 33 GERMANY*

- IV/ Have you submitted the Application for family reunification until now
Have you ? *yes* yes/no *yes* *yes* *yes* *yes*

- V/ Reply from Bangkok ODP (LOI) ~~yes/no~~ Co Tr ODP gao tha thm'ao 361
Connett Remarks: bao thm ngay 2/11/1984.

VI/ Listing of documents attached to the Questionnaire

- Birth certificates of all family
- Photo copy of released certificates.

Date 5-8-1989 . . .
Signature)

QUESTIONNAIRE FOR EXPOLITICAL PRISONER IN VIETNAM

I/ Basic information on Applicant in VN.

- Full name NGUYEN. DUC. T. U^U
- Date and place of birth . . 5-6-1933 . Thanh Binh.
- Position Trưởng phòng Tiếp Vận.
- Rank Đại úy.
- Serial No . . 53/300 h29.
- Military Unit Đoàn Cảnh Sát Nhà Kỵ Thuật (CSMS)
 ÷ Months/Years of Arrest . . 27-6-1975.
 ÷ Months/Years out Camp . . 20-4-1981.
- Addressee living now 224/6 ấp Đắc Mỏ, G. Tân T. Huyện Thống Nhất
 Bình Dương Hai.
- Present mailing address of EX. PP 292/7. Đ. Vũ Văn Ngọc Tr. Phường 15 Quận
Bình Thạnh TP HCM.

II/ List of DSS - 202 of EX. PP's Relatives to accompany with EX. PP to be consided .

Name	DOB	POB	Sex	Married	Single	Relationship
Lê Thị Bích Thủy	1935	Thanh Binh	g.	✓		
Nguyễn Đức Minh Quân	1961	Nha Trang	s.		✓	
Nguyễn Văn Bào Phóng	1966	Gia Bình	g.		✓	
Nguyễn Duân Hòa	1970	Nha Trang	s.		✓	
Nguyễn Thị Thu Oanh	1974	Nha Trang	g.		✓	
Nguyễn Thị Duân Ly	1976	Thanh Bình	s.		✓	
Nguyễn Duân Hiệp	1982	Bình Hai	s.		✓	

Complete family listing (living/dead) of EX. PP.

- Father Nguyễn Đức Trùng (chết)
- Mother Phạm Thị Thu (chết)
- Wife Lê Thị Bích Thủy (sống)
- Children Nguyễn Đức Minh Quân . 1961
Nguyễn Văn Bào Phóng . 1966
Nguyễn Duân Hòa 1970
Nguyễn Thị Thu Oanh . . . 1974
Nguyễn Thị Duân Ly . . . 1976
Nguyễn Duân Hiệp 1982

Siblings :

III/- relatives outside of VN.

- a) Closest relatives in US. KY NGUYEN 1074 Reddave # 67 Sunnyvale CA 94086
- b) Closest relatives in other countries NGUYEN DUC DACHAUENSTRASSE 32-36
1000 Berlin 33 W GERMANY

IV/ Have you submitted the application for family reification until now

- Have you ? yes no
- Reply from US Govt (LRI) no yes Có đơn ODP gửi theo thư 80/307
6ao 07am 28ay 2/11/1984

V/ Comment Remarks :

VI/ Listing of documents attached to the Questionnaire

- birth certificates of all family
- photo copy of released certificates. date . 5-8-1989.
signature)

h



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 270919014

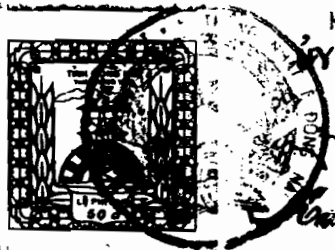
Họ tên: NGUYỄN THỊ THU OANH

Sinh ngày: 20-11-1971

Nguyên quán: Hà Nam Ninh

Nơi thường trú: 224/L Đốc mã

Già tần 1; T. nhất, Đ. nai



GIÀ TÂN I Ngày 19 / 6 / 1989

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

VIÊN THỦ KÝ

[Signature]

Trần Văn Lợi

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruồi C.4cm dưới
sau đôi mắt trái

Ngày 14 tháng 7 năm 1986

CHỖ CHỮ HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

[Signature]

[Signature]



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **270919014**

Họ tên: **NGUYỄN PHÍ THU OANH**



Sinh ngày: **20-11-1971**

Nguyên quán: **Hà Nam Ninh**

Nơi thường trú: **224/4 Đốc Mỹ**

Địa dân: **1, T. nhất, D. nai**

Đã cấp I Ngày: **19/8/1989**

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

K.T. CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN THỦ KÝ



Nguyễn Văn Sơn

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi C.4cm dưới
sau đôi mắt trái

Ngày 14 tháng 7 năm 1986

KIỂM ĐÓNG HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Chợ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 270826701

Họ tên NGUYỄN XUÂN HÒA

Sinh ngày 04-01-1970

Nguyên quán Hà nam ninh

Nơi thường trú 224/4 Dốc mớ 3

Gia tần 1.T.nhất,Đ.nai



ĐIẢ TÂN I Ngày 19 / 6 / 1989

T.M.ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

K.T.CHỦ TỊCH

KY VIÊN THỦ KÝ

Mai Văn Sơn

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chằm C.3, 5cm trên
sau mấp trái

07 năm 1985

TRƯỞNG TY CÔNG AN



[Handwritten signature]
[Handwritten text]

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 270826701

Họ tên NGUYỄN XUÂN HÒA

Sinh ngày 04-01-1970

Nguyên quán Hà nam ninh

Nơi thường trú 224/4 Dốc mơ 3

Gia tộc 1.T.nhất,Đ.nai



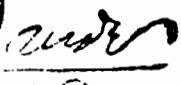
ĐẠI TÂN I Ngày 19/6/1989

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

K.T. CHỦ TỊCH

VIỆN TÀI KÝ

Nguyễn Văn Sơn

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Thiên chúa	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
NGÓN TRỎ TRÁI		Sẹo chằm C.3, 5cm trên sau mep trái	
		NGÓN TRỎ PHẢI	
			
		Ngày tháng năm 07 năm 1985 TRƯỞNG TY CÔNG AN  Kính	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **270701177**

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ BẠCH PHƯƠNG**
Sinh ngày: **29-10-1966**
Nguyên quán: **Hà Nam Ninh**
Nơi thường trú: **Độc Mỹ, Gia Tân, Thống nhất, Đồng Nai**

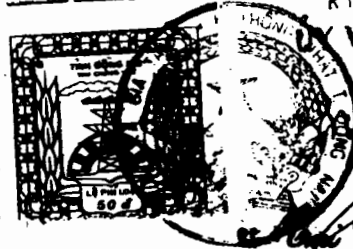


ĐẠI TÂN I Ngày **4/6/1989**

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

UY VIÊN THỦ KÝ



am
Nguyễn Thị Bạch Phương

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Thiên chúa



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo tròn 0,5cm ở 2,3
cm dưới sau đuôi mắt
trái



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 05 tháng 10 năm 1982

THỦ LƯU HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



B. N. Tài

Nguyễn Hoàng Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **270701177**



Họ tên: **NGUYỄN THỊ BẠCH PHƯƠNG**

Sinh ngày: **29-10-1966**

Nguyên quán: **Hà Nam Ninh**

Nơi thường trú: **Độc Mỹ, Gia
tân, Thống nhất, Đồng Nai**

CHIA TÀN I Ngày: **19/6/1989**

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

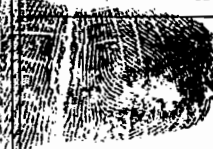
NGUYỄN THỊ KỲ



Nguyễn Văn Sơn

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Thiên chúa



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo tròn 0,5cm ở 2,5
cm dưới sau đuôi mắt
trái



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 06 tháng 10 năm 1984

QUAN HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



B. N. Tài

Nguyễn Hồng Văn

GIA TÂN I Ngày 19/6/1989
 T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
 KT. CHỦ TỊCH
 VIÊN THỦ KÝ

Minh Tân Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN
 Số: 0508902

 HỌ TÊN: TRẦN MINH QUÂN
 NGÀY QUÂN: 1961
 NGÀY QUÂN: 1961
 Nơi thường trú: 224/b Độc lập
 Gia đình: 1. nhất, Đồng na

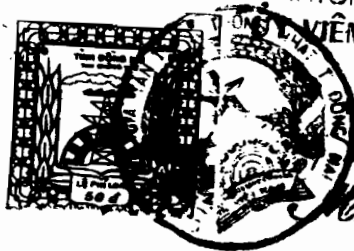
NGON TỎ TRAI	Dân tộc: Kinh	Tôn giáo: Thiên chúa
	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
	Sẹo thẳng D: 0,7cm ngay mep phải	
Ngày 14 tháng 07 năm 1980 KÝ/CHẤM BỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN PHỤ TRƯỞNG TY <i>[Signature]</i> <i>[Signature]</i>		

ĐẠI TÂN I Ngày 19/8/1989

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

K.T. CHỦ TỊCH

MIỀN THỦ KÝ



Mai Văn Sơn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 224/4-Độc lập

Họ tên:

NGUYỄN ĐỨC MINH QUÂN

Sinh ngày: 13-08-1961

Nguyên quán: Hải Phòng

Nơi thường trú: 224/4 Độc lập

Gia: Tân, T. nhất, Đông Nam



Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa	
NGON TRO TRAI	- DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH
	Sẹo thủng D.0,7cm ngay mep phải
	Ngày tháng 07 năm 1980 KÝ/GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN PHỤ TRƯỞNG TY <i>[Signature]</i> Cố định - 2.0



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **270536748**

Họ tên: **LÊ THỊ BÍCH THỦY**

Sinh ngày: **1935**

Nguyên quán: **Hải phòng.**

Nơi thường trú: **224/4 Dọc mөр**

Gia Tân, T. nhất, Đồng rai



Đã cấp ngày **19/6/1989**

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

K.T. CHỦ TỊCH

VIÊN THỦ KÝ

[Signature]

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Thiên chúa	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sẹo chàm C.1cm trên trước cánh mũi trái	
NGON TRỎ TRÁI		Ngày 13 tháng 07 năm 1980	
NGON TRỎ PHẢI		GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN  Hồng Liên	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **270596748**

Họ tên: **LÊ THỊ BÍCH THỦY**

Sinh ngày: **1935**

Nguyên quán: **Hải phòng.**

Nơi thường trú: **224/4 Dọc mố**
Gia Tân, T. nhất, Đông nai



GIA TÂN I Ngày **19/6/1989**

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

K.T. CHỦ TỊCH

NÊN THỦ KÝ

Trần Văn Sơn

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Thiên chúa	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sẹo chàm C.1cm trên trước cánh mũi trái	
NGON TRỎ TRÁI		Ngày 13 tháng 07 năm 1980	
NGON TRỎ PHẢI		K/ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN	
		 Nguyễn Hồng Lân	

ĐẠI TÂN I Ngày 19/6/79

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN X. K.

KT. CHỦ TỊCH

ĐY. HẾT THỦ KÝ



Chai Chai Sơn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 27077057 S

Họ tên NGUYỄN ĐỨC TỬ

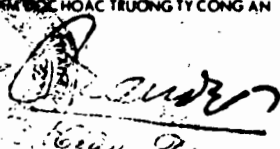
Sinh ngày 05-06-1933

Nguyên quán Thái Bình

Nơi thường trú 224/L Dốc m. 3

Gia Tân 1, Ph. Nhất, D. Nai



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Thiên chúa	
	NGÓN TRỎ TRÁI NGÓN TRỎ PHẢI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DẠNG HÌNH	
		Sẹo chàm C.C. 5cm trước cánh mũi trái	
		06 tháng 07 năm 1984 KHOA QUẢN LÝ HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN  Kiểm tra	

GIẤY TÂN I Ngày 19 / 7 / 1989

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

VIÊN THỦ KÝ



Nguyễn Văn Sơn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 27077057S

Họ tên NGUYỄN ĐỨC TỬ

Sinh ngày 05-06-1933

Nguyên quán Thái Bình

Nơi thường trú 224/4 Dốc mư 3

Gia Tân 1, Ph. Nhất, D. Nai



Dân tộc: Kinh ... Tôn giáo: Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

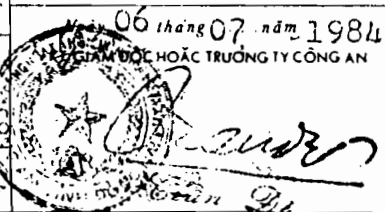
Sẹo chằm C.O, 5cm trước
cánh mũi trái

06 tháng 07 năm 1984

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



BẢNG LẠI QUAN-XA

SỐ 02313

Cấp cho NGUYỄN ĐỐC TỬ

Cấp học Trung-ủy s.d 300429

sinh ngày 05/06/1933

Thị-Tri tỉnh Thái-Bình

Đơn-vị bổ-nhậm KBC: 3.420

Đơn-vị Huấn-luyện Tự-do

T.KBC3688 ngày 10/6/6

Thiếu tá-TRẦN KI



CHANH CHU KHO
TƯ-ĐO

Hà-Nội, ngày 12/6/60

BỘ QUÂN LỰC

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

BẢNG LẠI QUẢN XÃ

Trừ khi có ghi chú đặc biệt ở phía sau, bảng này không cho phép lái những hạng xe sau đây :

1. Xe chuyên chở công cộng.
2. Xe trọng tải hơn 3.000 kio }
 - a) cam nhôu
 - b) máy kéo
3. a) Xe cơ xích
- b) Máy kéo quân cụ
4. Xe mô tô hai bánh.

Nhà chức trách quân sự có quyền rút lui bằng bất cứ lúc nào.

Quản nhân nào có bằng này có thể làm
cho Trường Ty Công-chánh sinh mệnh d
đại lấy bằng lái xe dân sự đồng hạng nhưng
nhất trả số phí cho việc cấp bằng này.

Đoạn vi bộ nhằm phát ghi sự của bản
hội quân xo ngày cá phát lên họ cá
hội quân người ở bảng số của nhân
chính cá.

DANG LAI QUAN-XA

Số **02313**

Cấp cho **NGUYỄN ĐỨC TỖ**

Cấp bậc **Trung uý** s. q **300429**

Sinh ngày **05/06/1933**

Thủ-Trì **Tỉnh Thái-Bình**

Đơn-vị bổ-nhậm **KBC: 3.420**

Đơn-vị Huấn-luyện **Thủ-đo**

KBC 3682 ngày **10/6/68**

Thị trấn **Tả-TRAI-KI**



CHÁNH CHỦ KHẢO
NGUYỄN ĐỨC TỖ
51

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

BỘ QUÂN LỰC

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

BẢNG LẠI QUÂN-XA

CHÚ Y Bảng này chỉ có giá trị trong thời gian tại ngũ và chỉ cho phép lái quân-xa.

Trừ khi có ghi chú đặc biệt ở phía sau, bảng này không cho phép lái những hạng xe sau đây:

1. - Xe chuyên chở công cộng.
2. - Xe trọng tải hơn

a) cam không	
3.000 kilô	b) máy kéo.
3. a) Xe cộ xích
- b) Máy kéo quân cụ.

4. - Xe mô-tô hai bánh.

Nhà chức trách quân sự có quyền rút lại bảng này bất cứ lúc nào.

Quân nhân nào có bảng này, có thể làm đơn cho Trưởng Ty Công-chánh tỉnh mình để lấy bảng lái xe dân sự đồng hạng nhưng phải trả số phí cho việc cấp bảng này.

Đang vì bổ nhiệm hồ sơ ghi sổ của bảng lái quân-xa, ngày này, nó: tên, họ, cấp bậc, số quân của họ, số đơn vị của họ, số của những...

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA



Họ và tên vợ: **LE-THI-
BIỆCH-THỦY**
Sinh ngày: 1935
tại Thái-Bình

Con ông: **LE-LUỘC-
THÀNH**

Con bà: **TRẦN-THỊ-
QUY**

THẺ GIA-ĐÌNH QUÂN-NHÂN

001273

HỌ và TÊN: **NGUYỄN-LUỘC-TU**

CẤP BẬC: **Đại-Ủy**

SỐ-QUÂN: **53/300.429**

SINH NGÀY: 1933 tại Thái-

Bình (BV).

Thẻ căn-cước số: 0368328

cấp tại Ty-CSQG/Kh, ngày 3.4.70

Địa chỉ: 46 Ngõ-Luộc-Kê

Nha-Trang

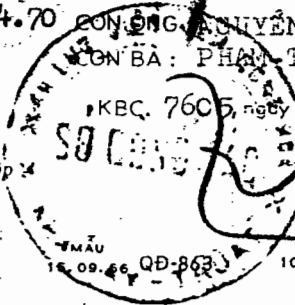
CON-ÔNG: **NGUYỄN-LUỘC-TRÌNH**

CON-BÀ: **PHẠM-THỊ-THỨC**

KBC. 7605, ngày 18 tháng 12 năm 1972

- Ai nhặt được thẻ này xin bỏ vào hộp
thờ gần nhất.

- Nhờ hộp thờ chuyển giao đến KBC.



MẤU

16.09.66 QĐ-863

10.66. TTALAP. O. 2. 583

HỌ VÀ TÊN CON	NGÀY SANH	NƠI SANH	CÓ CẤP DƯỠNG	ST-GUAN TQT ký tên và đóng dấu (nếu có sự thay đổi)
1 Nguyễn-Đức-Ty	1955	Già-Đinh	có	
2 Ng.T.B.Tuyết	1959	Vũng-Jan	-	
3 Ng.B.M.Quân	1961	N.Trang	-	
4 Ng.T.Phương	1963	A.Xuân	-	
5 Ng.T.B.Loan	1966	G.Đinh	-	
6 Ng.T.B.Phuong	1966	G.Đinh	-	
7 Ng.X.Hòa	1970	N.Trang	-	
8 Ng.T.T.Oanh	1971	N.Trang	-	
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				

THẺ GIA-ĐÌNH QUÂN-NHÂN

BỘ QUỐC-PHÒNG

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA



Họ và tên vợ: **LE-THI-BICH-THUY**
 Sinh ngày: 1935
 tại **Thái-Bình**

THẺ GIA-ĐÌNH QUÂN-NHÂN
 SỐ **011273**

Con ông: **LE-LUC-THANG**
 Con bà: **PHAM-THI-QUY**

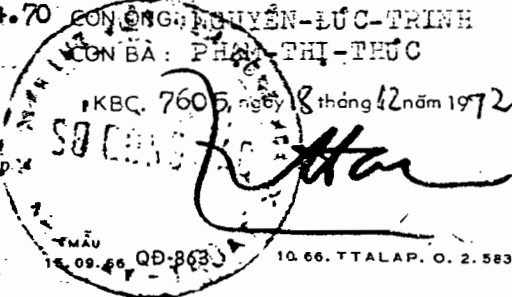
HỌ và TÊN: **NGUYEN-LUC-TU**
 CẤP BÁC: **Đại-Ủy**
 SỐ-QUÂN: **53/300.429**
 SANH NG: 1933 tại **Thái-Bình (BV)**

Thẻ căn-quốc số: **03683289**
 cấp tại **Ty-CSQG/K** ngày **3.4.70**
 Địa-chỉ: **46 Ngõ-Lúc-Kê**
Nha-Trang

CON-ÔNG: **NGUYEN-LUC-TRINH**
 CON-BÀ: **PHAM-THI-THUC**

KBC. 7606, ngày 18 tháng 12 năm 1972

- Ai nhất được thẻ này xin bỏ vào hộp thư gần nhất.
- Nhờ hộp thư chuyển giao đến KBC.



TMẤU 15.09.66 QĐ-863 10.66. TTALAP. O. 2. 583

HỌ VÀ TÊN CON	NGÀY SANH	NƠI SANH	CÓ CẤP DUỠNG	ST-QUAN TQT ký tên và đóng dấu (nếu có sự thay đổi)
1 Nguyễn-Lức-Tự	1955	Già-Linh	Có	
2 Ng.T.B.Tuyết	1959	Vũ-Lâm	-	
3 Ng.D.M.Quân	1961	N.Trang	-	
4 Ng.T.Phương	1963	A.Xuân	-	
5 Ng.T.B.Loan	1966	G.Bình	-	
6 Ng.T.B.Phương	1966	G.Bình	-	
7 Ng.X.Hòa	1970	N.Trang	-	
8 Ng.T.T.Oanh	1971	N.Trang	-	
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				



Nguyễn
Đức
Mạnh
Quân

Nguyễn
Đức
Mạnh
Quân

Nguyễn Xuân
HIỆP

Nguyễn Xuân
HIỆP

Nguyễn Thị
BẠCH PHƯƠNG

Nguyễn Thị
BẠCH PHƯƠNG

Nguyễn Xuân
HÒA

Nguyễn Xuân
HÒA



Nguyễn Thị
Đuân Ly

Nguyễn Thị
Đuân Ly

Nguyễn Đức
Tư

Nguyễn Đức
Tư

Nguyễn Thị
Thu Oanh

Nguyễn Thị
Thu Oanh

Lê Thị
Biết Chuyền

Lê Thị
Biết Thủy

ALL INFORMATION CONTAINED
HEREIN IS UNCLASSIFIED

Chuyển đến

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

RECEIVED

Ký tên đồng đạo

7-230

Chuyến đi

7-10-1954

Từ ngày _____ đến ngày _____

...and the

1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 26

PHONG CÁCH ĐÓI KHÁC

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỒ

93-674-169

Họ và tên chủ hộ: LÊ THỊ BÍCH THỦY

Số nhà: 224/4 Ngõ (hẻm) Dắc Mỏ 3

Đường phố : Đón CAND

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: Xã Gia Tân 1

Huyền Thoại Nhất

Thành, thị trấn phố: Đông Nai

1947-1948

Trưởng công an
Đã tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CHÚ-tiān

RECEIVED 1916 1936

HAI LƯU BAN NHÂN DÂN XE

KT. CHU THICH

Y. VIÊN THƯ KÝ



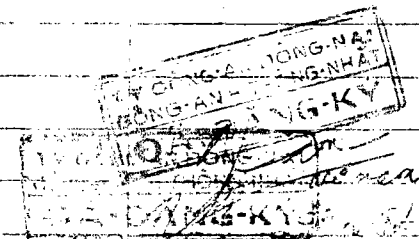
Wm. Van Soren

Th. S. S. S.

NHÂN KHẨU THƯỜNG

TRƯỞNG HỒ

SỐ thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quê hệ và Cháu Hôn và nơi làm việc	Nghề nghiệp	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
01	Lê Thị Bưởi THỦ	1935	nữ	Cháu Rô	Làm rẫy		9/12/76		
02	Nguyễn Đức Minh QUÂN	1961	nam	con	Làm rẫy		3/12/76		
03	Nguyễn Trung THƯỜNG	1963	nam	con	Làm rẫy	546903	9/12/76	(1963 1963)	
04	Nguyễn Thị Bạch LOAN	1966	nữ	con	Làm rẫy		3/12/76		
05	Nguyễn Thị Bạch THƯỜNG	1966	nữ	con	Làm rẫy		3/12/76		
06	Nguyễn Xuân HÒA	1970	nam	con		7082670	9/12/76		
07	Nguyễn Thị Thu CANH	1971	nữ	con			3/12/76		
08	Nguyễn Thị Xuân LY	1976	nữ	con			3/12/76		
09	Nguyễn Xuân THIẾT	1982	nam	con			82		
10	Nguyễn Đức TỬ	1933	nam	Cháu	Làm rẫy		18/10/88		
	Nguyễn Lý Duyệt	1968	nữ	con	Làm rẫy	953	6.8.88		



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỌ

Chuyển đến

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên đóng dấu

Ký tên đóng dấu

Chuyển đến

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

NIỀNG LẠI ĐỔI KHÁC

MÃ SỐ 4

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỌ

55-671-169

Họ và tên chủ hộ: LÊ THỊ BÍCH THỦY

Số nhà: 224/4 Ngõ (hẻm) Dốc M. 3

Đường phố: Đền CAND

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: Xã Gra Tân

Huyện Thống Nhất

Thị trấn, thành phố: Đồng Nai

Ngày 01 tháng 01 năm 89

Trưởng công an
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)

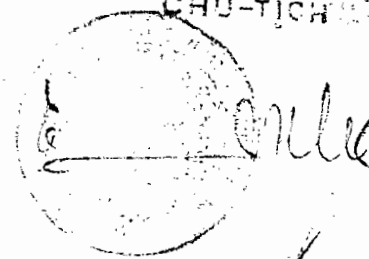
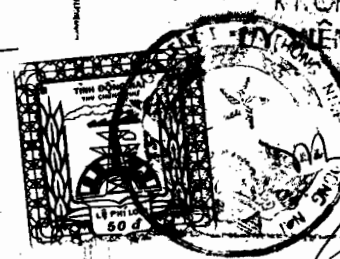
CHỦ TỊCH

GIA TÂN I Ngõ 49-6/1379

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XE

K.T. CHỦ TỊCH

CHỖ ĐÓNG DẤU



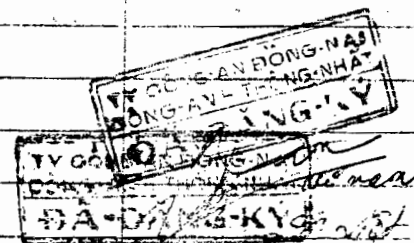
Ngài Văn Sơn

Trưởng Công an

NHÂN KHẨU THƯƠNG

TRÚ TRONG HỘ

SỐ thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
01	Le thi Bich THUY	1935	nữ	chủ hộ	Làm rẫy		9/12/76		
02	Nguyễn đức Minh Quân	1961	nam	con	Làm rẫy		3/12/76		
03	Nguyễn trung PHƯƠNG	1963	nam	con	Làm rẫy	220596903	3/12/76	(sinh 1963)	
04	Nguyễn thi bạch LOAN	1966	nữ	con	Làm rẫy		3/12/76		
05	Nguyễn thi bạch PHƯƠNG	1966	nữ	con	Làm rẫy		3/12/76		
06	Nguyễn Xuân HOA	1970	nam	con		27682670	3/12/76		
07	Nguyễn thi Thu OANH	1971	nữ	con			3/12/76		
08	Nguyễn thi Xuân LY	1976	nữ	con			3/12/76		
09	Nguyễn Xuân HIỆP	1982	nam	con			82		
10	Nguyễn đức TỬ	1933	nam	chồng	Làm rẫy		14/10/88		
	Nguyễn Lữ LUYẾN	1968	nữ	con	Giáo viên	220721953	6.8.88		



BO NOI VU
Tai Tan Binh...
So: 826/GHT

CO T. HOA LA NOI CHU NHA VIET NAM
Duc Lap Tu don si hap lo. ai
Bi hien ngay: 21/5/1981

1	2	3	4	5	6	7	8	9	0
1	2	3	4	5	6	7	8	9	0

Mau 55001-11
Ban hành theo
Công văn số
2565 ngày 21/
năm 1972.

SHSLD

G I A Y A N A T U R A F.

Theo thông tư số 966-3CA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ công an.
Thi hành án văn, quyết định tha số 21 Ngày 8 tháng 4
năm 1981 của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chỉ có tên sau đây:

Họ và tên khai sinh: Nguyễn Đức Tử

Họ và tên thường gọi:

Họ và tên bí danh:

Sinh ngày tháng năm 1922

Nơi sinh: Thới Bình

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

224/4 Kù xóm 5 Gia Lão Thôn Nhứt Đông Nai

Cán tội: Đại úy trưởng phòng tài liệu

Bị bắt ngày 27-6-75 An phát:

Theo quyết định, án văn số: 21/81 tháng 4 năm 1981 của:

Đã bị bắt ngày 27-6-75 tại Thôn Nhứt Đông Nai

Đã được thả ngày 21-4-81 tại Thôn Nhứt Đông Nai

Nay về cư trú tại: 224/4 Kù xóm 5 Gia Lão Thôn Nhứt Đông Nai

NIHAN XET ANA THANH CAI TAO

quân chế 12 tháng

Lấn tay ngón trỏ phải Họ tên, chữ ký 11/ ngày 20 tháng 4 năm 1981
của Nguyễn Đức Tử người được cấp giấy Giám thị:

Danh bản số: 5228

lập tại: Tân Hiệp

Nguyễn Đức Tử



ban gọc Dương

Sau nhận
đã trình diện công an
để nghị chính quyền giúp đỡ
đến nay ngày 21 - 4 - 1981
công an, địa

~~John A. B. B.~~

Lương Sư Tả trình báo cho khu
 biết việc đề nghị Sư giúp đỡ của Co Duan,
 Banay Bhu. ngày 20-4-81.

Tru

Cháu Văn Su

Văn thư Long Xuyên
Cố Kỉnh Văn thư
đến ngày 10/1/1918
Đã được nhận

Off Hoyer's TR

Chúng nhân ở địa điểm trên biển
đến gần vào vịnh tại Ch. Hyên

Ngày 12. 10. 82

Fo et Angers



Erich Chamberlain

Nguyễn Văn Ngọc

Ngày 21/11/1989

T.M. UY BAN NHÂN DÂN XÃ
KT QUẢN LÝ

K.T. CHÚ THỜI

VIEN THU KY



Wm. H. Burleigh

BO NOI VU
THAI. Tien. Hien...
So: 826 GHT

CON TINH HOA YA HOI CHU HUU VA VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Mẫu số 001-17
Ban hành theo
Công văn số
2565 ngày 21/
năm 1972.

19	12	1981	15	1981	15	1981	15	1981	15
----	----	------	----	------	----	------	----	------	----

SHSLD

G I A Y A A N T R A T.

Theo thông tư số 966-3CA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ công an.
Thi hành án văn, quyết định tha số 21. Ngày 8 tháng 1 năm 1981 của Bộ NOI VU

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ và tên khai sinh: Nguyễn Đức Từ

Họ và tên thường gọi:

Họ và tên bí danh:

Sinh ngày tháng năm 1981

Nơi sinh: Thái Bình

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

224/4 Kh. xóm 5 Gia Lão - Thôn Nhät Đông - Nại

Cán bộ: Đại úy trưởng phòng tịa liệu

Bị bắt: 27-6-75 Án phạt:

Theo quyết định, án văn số: 21/81 tháng 1 năm 1981 của:

Đã bị bắt: 27-6-75

Đã được thả: 15-1-81

Nay về cư trú tại: 224/4 Kh. xóm 5 Gia Lão - Thôn Nhät Đông - Nại

NHAN XET LUAT ANH CAI TAO

quản chế 12 tháng

Lần tay ngón trỏ phải Họ, tên, chữ ký // / ngày 20 tháng 4 năm 1981
của Nguyễn Đức Từ người được cấp giấy Giám thị:

Danh bản số: 5002

lập tại: Tân Hiệp

Nguyễn Đức Từ



hạn 60c Dương

Xã nhân
lũ. tình diễm, công an ập
Đến khi chính quyền sụp đổ
đến mai ngày 21 - 4 - 19 81
công an ập

Dr. Van Buren

Lương Sư Tả tráp Đản cho khu
 biết vậy đề nghị Sư giúp đỡ của Cố Đoàn
 Trưởng khu.
 ngày 20-4-81

725

Chân Văn Sĩ

Các địa điểm cũ được giữ
 có thể được tái dựng ở đây
 ở đây và ở đây
 Không được tái dựng

Ch Hoyer's TR

Chợ nhân dân đã đến buổi
đón chào việc tại A-hyem

May 12. 10. 82

For buyers



Eric Blank



Thyestes. 1781. 1782. 1783.

BIÊN BẢN I Ngày 19.16.1989

THỦY BAN NHÂN DÂN XE

K.T. CHỦ TỊCH
VIÊN TRƯỞNG



Mei Lan Song

Số hiệu : 167

KHAI SANH

TÊN HỌ ẤU-NHI	Nguyễn-Quốc-Minh-Quân
Phái	Nam
Sinh	ngày mồng chín, tháng tám, năm một ngàn chín trăm sáu mươi một (9/8/1961)
(Ngày, tháng, năm)	
Tại	thôn Phú-Xương, xã Vĩnh-Hải, Vĩnh-Xương, Khánh-Hòa.
Cha	Nguyễn-Quốc-Từ
(Tên họ)	
Tuổi	hai mươi tám (28) tuổi
Nghề-nghiệp	quốc-nhân
Cư-trú tại	Trại Gia-bình Quốc-nhân Vũng-Tàu.
Mẹ	Lê-thị-bích-Thủy
(Tên họ)	
Tuổi	hai mươi sáu (26) tuổi
Nghề-nghiệp	nội-trợ
Cư-trú tại	Xã Vĩnh-Hải, quận Vĩnh-Xương, tỉnh Khánh-Hòa.
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ chánh
Người khai	Tổng-thị-Kim-Nguyệt
(Tên họ)	
Tuổi	hai mươi lăm (25) tuổi
Nghề-nghiệp	CĐ-ĐS
Cư-trú tại	Xã Vĩnh-Hải, quận Vĩnh-Xương, tỉnh Khánh-Hòa.
Ngày khai	ngày 17 tháng 8 năm 1961.
Người chứng thứ nhất	/
(Tên họ)	
Tuổi	/
Nghề-nghiệp	/
Cư-trú tại	/
Người chứng thứ nhì	/
(Tên họ)	
Tuổi	/
Nghề-nghiệp	/
Cư-trú tại	/

MIỄN QUÂN DƯ

Làm tại XÃ VĨNH-HẢI, ngày 17 tháng 8 năm 1961.

Người khai,

Hộ-Lại,

Người chứng,

Tổng-thị-Kim-Nguyệt

Đại-diện Xã kiêm

Hộ-Lại

LƯƠNG-BE.

Vĩnh-Hải
18 tháng 8/61
QUAN

CH. TÂN I Ngày 19 / 6 / 89

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN X. 6

TR. 7 K. CH. T. 6

B. 6 V. 6 T. 6 K. 6 Y. 6



6 6 6 6 6 6 6 6 6 6

6 6 6 6 6 6 6 6 6 6

KHAİ SANH

TÊN HỌ ẤU-NHI	Nguyễn-Đức-minh-Quân
Phái	Nam
Sinh	ngày mồng chín, tháng tám, năm một ngàn chín trăm sáu mươi một (9/8/1961)
(Ngày, tháng, năm)	
Tại	thôn Phú-Xương, xã Vĩnh-Hải, Vĩnh-Xương, Khánh-Hòa.
Cha	Nguyễn-Đức-Từ
(Tên họ)	
Tuổi	hai mươi tám (28) tuổi
Nghề-nghiệp	quân nhân
Cư-trú tại	Trại Gia-Đình Quân-nhân Vũng-Tàu.
Mẹ	Lê-thị-bích-Thủy
(Tên họ)	
Tuổi	hai mươi sáu (26) tuổi
Nghề-nghiệp	nội-trú
Cư-trú tại	Xã Vĩnh-Hải, quận Vĩnh-Xương, tỉnh Khánh-Hòa.
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ chánh
Người khai	Tổng-thị-kim-Nguyệt
(Tên họ)	
Tuổi	hai mươi lăm (25) tuổi
Nghề-nghiệp	CS - sĩ
Cư-trú tại	Xã Vĩnh-Hải, quận Vĩnh-Xương, tỉnh Khánh-Hòa.
Ngày khai	ngày 17 tháng 8 năm 1961.
Người chứng thứ nhất	/
(Tên họ)	
Tuổi	/
Nghề-nghiệp	/
Cư-trú tại	/
Người chứng thứ nhì	/
(Tên họ)	
Tuổi	/
Nghề-nghiệp	/
Cư-trú tại	/

MƯỜI MỘT ĐƯỢC

Làm tại XÃ VĨNH-HẢI, ngày 17 tháng 8 năm 1961.

Người khai,

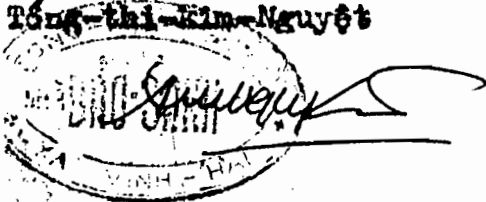
Hộ-Lại,

Người chứng,

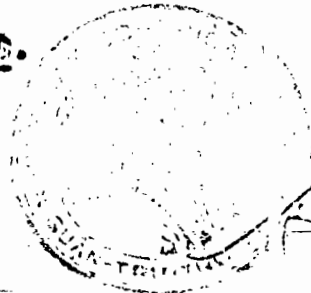
Tổng-thị-kim-Nguyệt

Đại-diện Xã kiêm

NHÂN-MỤC



LƯUNG - B.C.

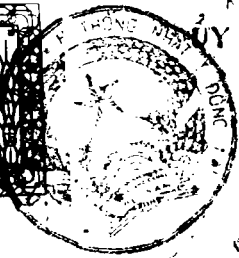
Chữ ký ông Hộ-lại
Vĩnh-Hải
Vĩnh-Xương ngày 17 tháng 8 năm 1961
QUẬN-TRƯỞNG

GIẤY TỜ I Ngày 19/6/89

TỔNG BAN NHÂN DÂN XÃ

KHOA CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN THỦ KÝ



M. Lam

Mai Văn Sơn

EXTRAIT D'ACTE DE MARIAGE

Nhà

Quận

Tỉnh

Thành phố

Kiên-An

BẢN TRÍCH LỤC GIẤY KHAI GIẢ THƯ

Nom, prénoms et domicile de l'époux
Tên tuổi và chỗ ở người chồng

Nom, prénoms et domicile de l'épouse
Tên tuổi và chỗ ở người vợ

Femme du 1er ou second rang

Vợ cả hay thứ mấy.

Nom, prénoms et domicile des parents
de l'époux (vivant ou décédé)

Tên tuổi và chỗ ở bố mẹ chồng còn
sống hay chết.

Nom, prénoms et domicile des parents
de l'épouse (vivant ou décédé)

Tên tuổi và chỗ ở bố mẹ vợ còn
sống hay chết.

Nom, prénoms et domicile du 1^{er} té-
moin.

Tên tuổi và chỗ ở người làm chứng
thứ nhất.

Nom, prénoms et domicile du 2^e té-
moin.

Tên tuổi và chỗ ở người làm chứng
thứ hai.

Date de célébration

Ngày cưới

Date de déclaration

Ngày khai

Signature

Ký tên (1)

NGUYEN-DUC-TU, 21 Tuổi, Caporal Chef
Mle 300.429 5^e Bataillon du Génie V-N

Lê-thị-Bích-Thuy, 19 tuổi Nối-Tre Phố
Lê-Lôi Kiên-An

Vo Ca

Nguyễn-duc-Trình, 61 Tuổi ở Thái-Bình

Và Phạm-thị-Thue (chết)

Lê-duc-Thang (chết)

Trần-thị-Quy, 42 Tuổi Phố Lê-Lôi
Kiên-An

Nguyễn-van-Dang, 33 Tuổi, Trung-Sy

Tiểu-Đoàn IV B.V.N.

Cao-van-Hiệp, 28 Tuổi, Hạ-Sy Chánh

Đoàn 5 Công-Binh Việt Nam

Ngày 6 - 9 - 1954

Ngày 6 - 9 - 1954

Vu pour la légalisation de la signature

de M^{re} Vũ-Huỳnh-Ciên.
Ủy-Viên Hội-Phủ-Hiến-Xã.
Kiên-An

A Kiên-An le 9 - 9 - 1954

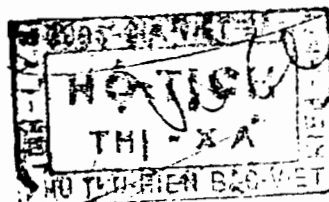
Pour extrait conforme

Trích-lục y như bản chính

Kiên-An ngày (le) 6 - 9 - 1954

L'Officier de l'Etat civil

Hồ-Lai



VU HUYNH CIEN

(1) Kê tên những người ký tên

ĐẠI TÂN I Ngày 19 16 / 1989

TỔNG BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN THƯ KÝ



Khu Tây-San
Xã
Quận
Tỉnh Kiên-An
Thành phố

EXTRAIT D'ACTE DE MARIAGE

Số
N° 67

BẢN TRÍCH LỤC GIẤY KHAI GIẢ THƯ

Nom, prénoms et domicile de l'époux
Tên tuổi và chỗ ở người chồng

Nom, prénoms et domicile de l'épouse
Tên tuổi và chỗ ở người vợ

Femme du 1er ou second rang

Vợ cả hay thứ mấy.

Nom, prénoms et domicile des parents
de l'époux (vivant ou décédé)

Tên tuổi và chỗ ở bố mẹ chồng còn
sống hay chết.

Nom, prénoms et domicile des parents
de l'épouse (vivant ou décédé)

Tên tuổi và chỗ ở bố mẹ vợ còn
sống hay chết.

Nom, prénoms et domicile du 1^{er} té-
moin.

Tên tuổi và chỗ ở người làm chứng
thứ nhất.

Nom, prénoms et domicile du 2^e té-
moin.

Tên tuổi và chỗ ở người làm chứng
thứ hai.

Date de célébration

Ngày cưới

Date de déclaration

Ngày khai

Signature

Ký tên (1)

NGUYEN-DUC-TU, 21 tuổi, General Chef
Mle 306.429 5^e Bataillon du Génie V-N

Lê-thi-Bích-Thuy, 19 tuổi Nội-Trà Phố
Lê-Lôi Kiên-An

Vợ Cả

Nguyễn-duc-Trinh, 61 Tuổi ở Thái-Binh

Và Phan-thi-Thue (chết)

Lê-duc-Thang (chết)

Trần-thi-Quy, 42 Tuổi Phố Lê-Lôi
Kiến-An

Nguyễn-van-Dang, 33 Tuổi, Trung-Sy

Tiểu-Đoàn IV B.V.N.

Cao-van-Hiệp, 28 Tuổi, Hà-Sy Chánh

Tiểu-Đoàn 5 Công-Sinh Việt-Nam

Ngày 6 - 9 - 1954

Ngày 6 - 9 - 1954

Vu pour la légalisation de la signature

de M^{re} Nguyễn Thị Bích Thuy

Thị-Văn-Hiệp-Trích-Ghi-Khẩu

Đã khai

Ngày 6 - 9 - 1954

Thị-Văn-Hiệp-Trích-Ghi-Khẩu

Đã khai

Ngày 6 - 9 - 1954

Thị-Văn-Hiệp-Trích-Ghi-Khẩu

Đã khai

Ngày 6 - 9 - 1954

Thị-Văn-Hiệp-Trích-Ghi-Khẩu

Đã khai

Ngày 6 - 9 - 1954

Thị-Văn-Hiệp-Trích-Ghi-Khẩu

Đã khai

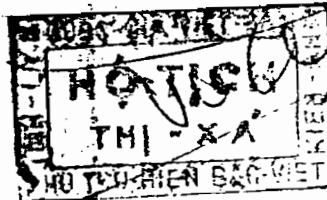
Pour extrait conforme

Trích-lục y như bản chính

Kiến-An ngày (le) 6 - 9 - 1954

L'Officier de l'Etat civil

Hộ-Lai



VU HUYNH GIANG

(1) Kê tên những người ký tên

GA TÂN I Ngày 12/10/1959

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN THAY KÝ



Thái Hòa

NAM PHẦN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TIN

TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN nhđ

Số hiệu : 9528-B

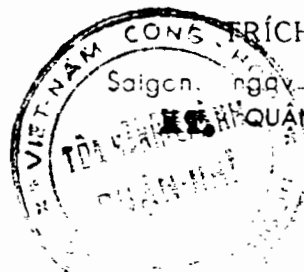
TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (1966)

Tên, họ đứa nhỏ.	NGUYEN THI BACH PHUONG
Phối	Mã (sinh sau)
Ngày sanh.	HAI MƯƠI CHÍN THÁNG MƯỜI NĂM MỘT NGĂM CHIE TRAM SAU 6g5
Nơi sanh.	SAIGON 284 CONG QUYNH
Tên, họ người Cha	NGUYEN DUC TU
Tuổi	Ba mươi ba
Nghề nghiệp.	Quan nhân
Nơi cư ngụ	Tan binh gia đình
Tên, họ người mẹ.	LE THI NICH THUY
Tuổi	Ba mươi một
Nghề-nghiệp	Nơi trở
Nơi cư-ngụ.	Tan binh gia đình
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 10 tháng II năm 1966

NGUYEN LE PHU
HỒ-SỐ 9528-BỘ



TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 10 tháng II năm 1966

KẾ-TRƯỞNG QUẬN nhđ

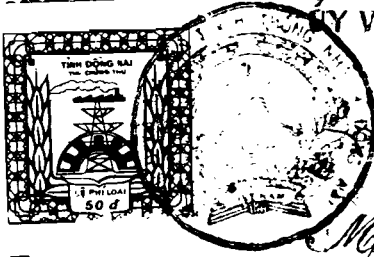
CỘNG-HÒA VIỆT-NAM

ĐI A TÂN I Ngày 19/6/1989

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

K.T. CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN THỦ KÝ



Một lần nữa

NAM PHẦN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TTN

TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN nh1

Số hiệu : 9528-B

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Nam một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (1966)

Tên, họ đứa nhỏ	NGUYEN THI BACH PHUONG
Phối	Nh (sinh sau)
Ngày sanh	HAI MƯƠI CHÍN THÁNG MƯỜI NĂM MỘT NGĂM CHÍN TRĂM SÁU 665
Nơi sanh	SAIGON 284 CONG QYNH
Tên, họ người Cha	NGUYEN ĐUC TU
Tuổi	Ba mươi ba
Nghề nghiệp	Quen nhau
Nơi cư ngụ	Tan bình gia đình
Tên, họ người mẹ	LÊ THI HICH THUY
Tuổi	Ba mươi một
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Tan bình gia đình
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 4 tháng II năm 1966

TRÍCH-LỤC PHÍ
HỒ-SỐ 9528-B-ĐÔI



TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 10 tháng II năm 1966

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN nh1

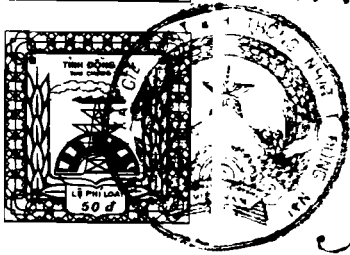
CHỖ ĐÓNG CHỮ

GA TÂN NGÀY 19/1/89

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

K.T. CHỦ TỊCH

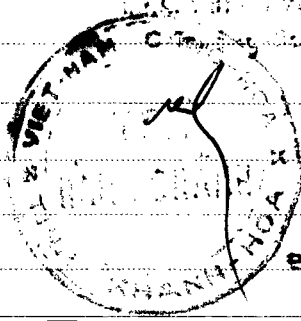
ỦY VIÊN THỦ KÝ



Maif
Maif

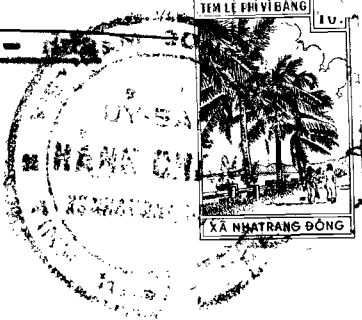
KHAI - SANH

TÊN HỌ	ẤU-NHI	NGUYEN - XUAN - HOA
Phái		Nam
Sauh	ngày bốn, tháng một, năm một ngàn chín trăm bảy mươi (04.01.1970)	
Ngày, tháng, năm)		
Tại	Trung-tâm y-tế toàn-khoa Nhatrang	
Cha	Nguyễn - Sủo - Rô	
(Tên, họ)		
Tuổi	sinh năm 1933	
Nghề-nghiệp	Quân nhân	
Cư-trú tại	KBC. 3.420	
Mẹ	Lê - thị Bích-Thủy	
(Tên, họ)		
Tuổi	sinh năm 1935	
Nghề-nghiệp	nội trợ	
Cư-trú tại	160 Ngõ_Đạo-Kế Nhatrang	
Vợ chánh hay thứ	vợ chánh	
Người khai	Đỗ - Hưu	
(Tên, họ)		
Tuổi	sinh năm 1920	
Nghề-nghiệp	Tổng Giám thị Bệnh viện Nhatrang	
Cư-trú tại	84-B Nguyễn-trãi Nhatrang	
Ngày khai	ngày 8 tháng I năm 1970	
Người chứng thứ nhất	/	
(Tên, họ)		
Tuổi		
Nghề-nghiệp		
Cư-trú tại		
Người chứng thứ nhì		
(Tên, họ)		
Tuổi		
Nghề-nghiệp		
Cư-trú tại		



ĐÀ-VĂN-THUẬT

Làm tại Xã Nhatrang Đông, ngày 8 tháng I năm 1970
NGƯỜI KHAI, NGƯỜI CHỨNG, NHÂN-CHỨNG,
TỔNG GIÁM THỊ BỆNH VIỆN
HỘI VIÊN HỒ-TỊCH



NGUYỄN-VĂN-THUẬT

KHAI-SANH

TÊN HỌ ẨM-NHI NGUYỄN - XUÂN - HÒA
Phái Nam
Sanh ngày bốn, tháng một, năm một ngàn chín trăm bảy
(Ngày, tháng, năm) mười (04.01.1970)
Tại Trung-tâm Y-tế toàn khoa Nha Trang
Cha Nguyễn - đức - TỬ
(Tên, họ) sinh năm 1933
Tuổi
Nghề - nghiệp quân nhân
Cư - trú tại KBC. 3.420
Mẹ Lê-thị bích-Thủy
(Tên, họ) sinh năm 1935
Tuổi
Nghề - nghiệp nội trợ
Cư - trú tại 160 Ngô-đức-Kế Nha Trang
Vợ chánh hay thứ vợ chánh
Người khai Đỗ - HỮA
(Tên, họ) sinh năm 1920
Tuổi
Nghề - nghiệp Tổng Giám thị Bệnh-viện Nha Trang
Cư - trú tại 84-B Nguyễn-Trãi Nha Trang
Ngày khai ngày 8 tháng I năm 1970
Người chứng thứ nhất
(Tên, họ)
Tuổi
Nghề - nghiệp Ông-VĂN THẮNG-Kỹ Cầm
Cư - trú tại Ông-VĂN THẮNG-Kỹ Cầm
Người chứng thứ nhì
(Tên, họ)
Tuổi
Nghề - nghiệp
Cư - trú tại



Làm tại Xã Nha Trang Đông, ngày 8 tháng I năm 1970

NGƯỜI KHAI,

HỘ-LAI,

NHÂN CHỨNG,

Bệnh viện

Ủy Ban Hành Chánh
NHÀ TRẢNG ĐÔNG

Đỗ - HỮA

ỦY-VIÊN HỘ-TẠM



NGUYỄN-VĂN-THUỐC

Số hiệu

686/10/22

KHAI - SANH

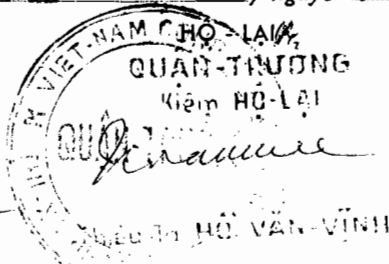
TÊN HỌ ẤU-NHI NGUYỄN-THỊ-THU-CẨM
Phái Nữ
Sinh Ngày hai mươi tháng mười một năm một ngàn chín trăm
(Ngày, tháng, năm) bảy mươi mốt (0-11-1971)
Tại Huyện II Thị Xã Nha-Trang
Cha NGUYỄN-DUỐC-TỬ
(Tên, họ)
Tuổi ba mươi chín tuổi
Nghề-nghiệp Nhân-Nhân
Cư-trú tại Số 16 Ngõ-Dúc-Kế Nha-Trang
Mẹ LÊ-THỊ-BÍCH-THUY
(Tên, họ)
Tuổi ba mươi sáu tuổi
Nghề-nghiệp Nhân bán
Cư-trú tại Số 16 Ngõ-Dúc-Kế Nha-Trang
Vợ chánh hay thứ Vợ chánh
Người khai LÊ-THỊ-THẠCH-VÂN
(Tên, họ)
Tuổi ba mươi bảy tuổi
Nghề-nghiệp Hủ-Lộ kinh-lực Gia
Cư-trú tại Số 16 Ngõ-Dúc-Kế Nha-Trang
Ngày khai Ngày 25 tháng 11 năm 1971
Người chứng thứ nhất N.UYÊN-HOÀ
(Tên, họ)
Tuổi 194
Nghề-nghiệp Nhân-Nhân
Cư-trú tại AB 7.615
Người chứng thứ nhì H.Đ. - X.Đ. - H.Đ.
(Tên, họ)
Tuổi 194
Nghề-nghiệp Nhân-Nhân
Cư-trú tại AB 7.615

Làm tại Xã LIÊN II, ngày 25 tháng 11 năm 19 71

NGƯỜI KHAI:

LÊ-THỊ-THẠCH-VÂN

NGƯỜI CHỨNG,



- N.UYÊN-HOÀ

- H.Đ. - X.Đ. - H.Đ.

Dang

Số hiệu

686/K/Q2

KHAI - SANH

TÊN HỌ ẤU-NHI	NGUYỄN-THỊ-THU-OANH
Phái	Nữ
Sinh	Ngày hai mươi tháng mười một năm một ngàn chín trăm
(Ngày, tháng, năm)	bảy mươi mốt (20-11-1971)
Tại	Quận II Thị Xã Nha-Trang
Cha	NGUYỄN-ĐỨC-TỪ
(Tên, họ)	
Tuổi	Ba mươi chín tuổi
Nghề-nghiệp	Quân Nhân
Cư - trú tại	Số 46 Ngõ-Đức-Kế Nha-Trang
Mẹ	LÊ-THỊ-BÍCH-THỦY
(Tên, họ)	
Tuổi	Ba mươi sáu tuổi
Nghề-nghiệp	Buôn bán
Cư - trú tại	Số 46 Ngõ-Đức-Kế Nha-Trang
Vợ chánh hay thứ	Vợ Chánh
Người khai	LÊ-THỊ-THANH-VÂN
(Tên, họ)	
Tuổi	Ba mươi bảy tuổi
Nghề-nghiệp	Nữ Hộ Sinh Quốc Gia
Cư - trú tại	Số 16 đường Hồng-Bàng
Ngày khai	Ngày 25 tháng 11 năm 1971
Người chứng thứ nhất	NGUYỄN-HOA
(Tên, họ)	
Tuổi	1942
Nghề-nghiệp	Quân Nhân
Cư - trú tại	KBC 7.605
Người chứng thứ nhì	HÀNG-CÔNG-ĐĂNG
(Tên, họ)	
Tuổi	1934
Nghề-nghiệp	Quân Nhân
Cư - trú tại	KBC 7.605

Làm tại Xã QUẬN II, ngày 25-11 năm 1971

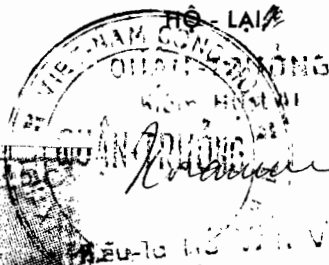
NGƯỜI KHAI

LÊ-THỊ-THANH-VÂN

NHÂN CHỨNG,

- NGUYỄN-HOA

- HÀNG-CÔNG-ĐĂNG



THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

ỦY BAN NHÂN-DÂN C.M.

Quận THỦ-ĐỨC

Phường (Xã) PHƯỚC-BÌNH

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu : 137

Năm : 1976

Lập ngày 25 tháng 5 năm 1976

Họ tên	NGUYỄN THỊ XUÂN LY
Trai hay gái	Gái
Ngày, tháng, năm sinh	Hai tháng ba, năm một ngàn chín trăm bảy mươi sáu (2-3-1976 hồi 14 h 05)
Nơi sinh	Viện bảo vệ bà mẹ và trẻ em sơ sinh
Họ tên, quốc tịch cha	NGUYỄN ĐỨC TỬ, 46 tuổi, Việt nam
Họ tên, quốc tịch mẹ	LÊ THỊ BÍCH THỦY, 41 tuổi, Việt nam
Cha mẹ có hôn thú không	Có

Đã đăng ký ngày 19/6/76

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

K.T. CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN THỦ KÝ



SAO LỤC

Thành-phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 2 tháng 6 năm 1976

ỦY VIÊN HỘ-TỊCH



NGUYỄN THANH MINH

THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH
ỦY BAN NHÂN DÂN C.M.
Quận **THỦ-ĐỨC**
Phường (Xã) **PHƯỚC-BÌNH**

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu : 137
Năm : 1976

Lập ngày 25 tháng 5 năm 1976

Họ tên	NGUYỄN THỊ XUÂN LY
Trai hay gái	Gái
Ngày, tháng, năm sanh	Hai tháng ba, năm một ngàn chín trăm bảy mươi sáu (2-3-1976 hồi 14 h 05)
Nơi sanh	Viện bảo vệ bà mẹ và trẻ em sơ sinh
Họ tên, quốc tịch cha	NGUYỄN ĐỨC TỬ, 46 tuổi, Việt nam
Họ tên, quốc tịch mẹ	LÊ THỊ BÍCH THỦY, 41 tuổi, Việt nam
Cha mẹ có hôn thú không	Có

SAN TÂN I NGG 19/6/1976

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

K.T. CHỦ TỊCH

VIỆN THỦ KÝ

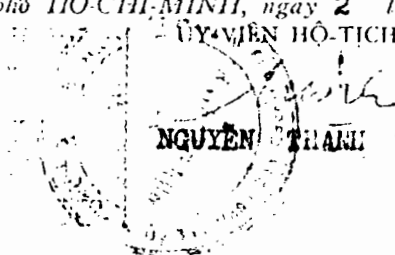


SAO LỤC

Thành-phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 2 tháng 6 năm 1976

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

NGUYỄN THANH MINH

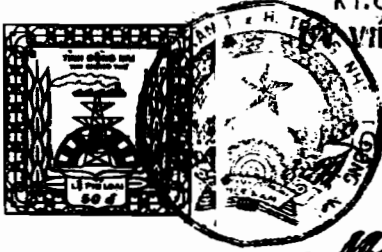


ĐI A TÂN I Ngày 10/8/1970.

T.M.ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

VIÊN THƯ KÝ



Mai Văn Sơn

Thành phố, Tỉnh: Dong Nai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ML HT2 P3

BẢN SAO

303

Հայտն ած Է/Բ

GIẤY KHAI SINH

[illegible]

Họ và tên	Nguyễn - Tuấn - Hiệp		Nam, nữ	Đam
Sinh ngày tháng, năm	30 - 1 - 1982			
Nơi sinh	Cố Phố			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ tên tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Nguyễn - Đức - Cử 1933		Lê - Thị - Bích - Thủy 1935	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Lam rẫy		Lam rẫy	
Nơi ĐKKK thường trú				
Họ tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai				

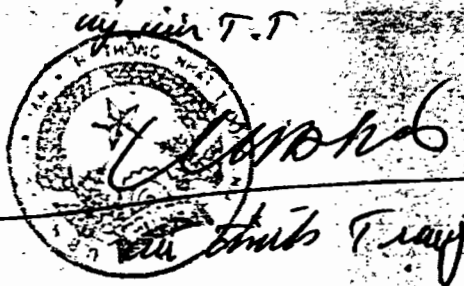
SÀO Y BÀN CHANH

Ngày 11 tháng 2 năm 1982

TM/UBND gia Tôn ký tên đóng dấu

Đang ký ngày _____ tháng _____ năm 19____

(Ký tên và đóng dấu ghi rõ họ tên, chức vụ)

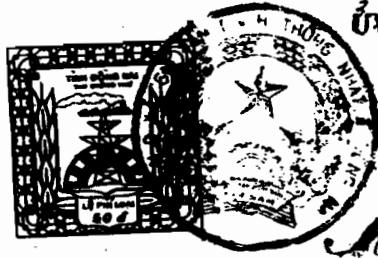


GIẤY TỜ I Ngày 10/1/1989

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN THỦ KÝ



[Handwritten signature]
Mai Văn Tiến

From: Nguyễn Thị Bào Tuyết
292/7 Hồ Nghê tước
Đường 25 Quận Bình Thạnh
TP. HCM.

COMPUTERIZED



8130
7 0 7

Máy Bay
Par Avion

100g
28730

To: Bà Khúc Minh Thoa

P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA 22205-0635

USA (HOA KỲ)

AUG 23 1969